

Bản án số: 151/2025/HS-PT

Ngày: 14/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: Ông **Trần Huy Đức**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2025/TLPT-HS ngày 15 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo **Lê Văn T** về tội “*Giết người*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2024/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Lê Văn T**; sinh ngày 05/7/1996, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: **thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn D** (đã chết) và bà **Trần Thị Q**; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/8/2024 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Đ**, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định: Bà **Nguyễn Thị H** - Luật sư **Văn phòng L - Đoàn Luật sư Đ** (có mặt).

Địa chỉ: **A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

- Người bào chữa cho bị cáo do gia đình bị cáo nhờ bào chữa: Ông **Phan Ngọc N** - Luật sư **Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư tỉnh Đ** (có mặt).

Địa chỉ: E đường A, thôn A, xã C, TP ., tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08/3/2024 bị cáo **Lê Văn T** đang trên đường đi làm về, khi đi qua nhà bị hại **Hoàng Văn T1** tại thôn E, xã E, huyện E, tỉnh **Đắk Lắk** thì bị anh **T1** điều khiển xe máy chặn đầu xe của bị cáo **T**. Anh Tân trách bị cáo **Tuấn S** không tìm anh **T1** nói chuyện mà lại mách mẹ anh **T1** là anh **T1** khiêu khích đòi đánh nhau với bị cáo **T**, hai bên xảy ra cãi nhau. Anh **T1** dùng tay đâm vào ngực bị cáo **T**. Bị cáo **T** thả xe máy xuống đánh lại anh **T1** nhưng không trúng. Khi anh **T1** đứng cách bị cáo **T** khoảng 02m, bị cáo **T** dùng tay phải rút 01 con dao bấm dài 20cm để sẵn trong túi áo, lao đến đưa dao lên cao đâm từ trên xuống trúng chân trái của anh **T1**. Anh **T1** quay người định chạy thì bị ngã, nằm ngửa xuống đường. Bị cáo **T** ngồi lên chân của anh **T1**, mặt hướng về đầu anh **T1**, rồi tiếp tục dùng dao đâm liên tiếp nhiều nhất trúng vào vùng ngực, chân, tay của anh **T1**. Anh **T1** giật lấy con dao từ tay bị cáo **T**, trong lúc giằng co bị cáo **T** đã đâm trúng vào vùng cổ bên trái của anh **T1**. Lúc này có anh **Nguyễn Văn Q1** đến can ngăn, thấy anh **T1** bị thương tích nên bị cáo **T** dừng lại. Anh **T1** được người dân đưa đến cơ sở y tế để cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 349/KLTTCT-PY ngày 16/4/2024 của **Trung tâm pháp y tỉnh Đ** kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Hoàng Văn T1** tại thời điểm giám định là 32%, cụ thể vết thương nhu mô phải 8%, vết thương để lại sẹo hơi chéo vùng cổ trước trái 4%, vết thương mở rộng để lại sẹo hơi chéo ngực trái 3%, vết thương để lại sẹo ngực trái, sát bờ trước hố nách trái 1%, vết mổ và vết thương để lại sẹo khoang liên sườn 7,8 ngực phải 2%, sẹo dẫn lưu thành ngực phải khoang liên sườn 9, 10 là 1%, vết thương để lại sẹo mặt trước cổ tay phải 3%, vết thương để lại sẹo mặt trong 1/3 dưới cẳng tay phải 2%, vết thương và vết mổ để lại sẹo dạng chữ Z mặt ngoài 1/3 giữa cẳng tay trái 2%, vết thương để lại sẹo giữa mu bàn tay trái 1%, vết thương để lại sẹo mặt ngoài 1/3 giữa đùi trái 2%, vết thương để lại sẹo mặt ngoài gối trái 3%, mổ 1/3 giữa xương quay trái 2%. Vật tác động là vật sắc, nhọn.

Tại bản cáo "Cáo trạng số 133/CT-VKSĐL-P2 ngày 16/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo **Lê Văn Tuấn** về tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Từ những nội dung được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2024/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn T** phạm tội "Giết người".

[2]. Về hình phạt: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn T** 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 02/8/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 12 năm 2024 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo **Lê Văn T** giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Ngày 17 tháng 12 năm 2024, bị cáo **Lê Văn T** kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2024/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Về nội dung kháng cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, đủ cơ sở xác định: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08/3/2024 tại **thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**, bị cáo **Lê Văn T** dùng 01 con dao bấm dài khoảng 20cm, lưỡi dao dài 08cm, đâm trúng vào chân trái của anh **Hoàng Văn T1**. Khi anh **T1** bị ngã, bị cáo **T** ngồi lên chân anh **T1**, dùng dao đâm liên tiếp nhiều nhất trúng vào vùng ngực, chân, tay của anh **T1**. Trong lúc bị cáo và anh **T1** giằng co đã đâm trúng vào vùng cổ bên trái anh **T1**, tỷ lệ tổn thương cơ thể 32 %. Mặc dù giữa bị cáo và bị hại có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất (bị hại thách thức đánh bị cáo). Khi bị hại chặn đầu xe, dùng tay đánh bị cáo thì bị cáo đánh trả, dùng dao đâm vào đùi bị hại. Bị hại định bỏ chạy nhưng ngã ngửa, bị cáo đã ngồi lên chân bị hại, dùng dao đâm liên tiếp nhiều nhất vào ngực, cẳng tay, chân; khi giằng co thì bị cáo đã đâm trúng cổ của bị hại. Bị cáo biết ngực, cổ là vùng trọng yếu của cơ thể nhưng vẫn dùng dao đâm bị hại, thương tích 32%. Với hành vi trên, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử bị cáo **Lê Văn T** về tội “Giết người”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều

123 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

3. Bị cáo là công dân đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo biết được rằng tính mạng, sức khỏe của con người là vốn quý và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác đều sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc, nhưng bị cáo đã bất chấp pháp luật và đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an chung của xã hội. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã gây ra và cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Như vậy mới đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

4. Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bố của bị cáo ông **Lê Văn D** là người có công, làm nhiệm vụ quốc tế tại nước Lào; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của **UBND xã E**; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội có một phần lỗi của bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt theo quy định tại Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự. bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhân thân của bị cáo để áp dụng các điều luật quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo **Lê Văn T** đã tích cực tác động gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường thêm cho bị hại số tiền 23.000.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ mới cần xem xét cho bị cáo. Trên cơ sở các nội dung trên và xét thấy tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo **Lê Văn T** thể hiện rõ sự ăn năn hối cải, có thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo **Lê Văn T**, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

6. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Văn T**, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2024/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn T** 09 (chín) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 02/8/2024.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo **Lê Văn T** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 140/2024/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh Đắk Lắk (02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hợp